

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GIÁ RAI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Giang Thị Cẩm Thúy**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Thành Nhận**

**2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Kim B** sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt có đơn yêu cầu).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân H** sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn là chị Trịnh Kim B trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai: Chị và anh H chung sống từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong ngày 19/5/2004. Do vợ chồng có mâu thuẫn về cách sống,

quan điểm sống hằng ngày nên vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và chung sống không hạnh phúc, anh H còn đánh chị, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên chung sống không có hạnh phúc, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng không kết quả và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau hơn 01 năm nay. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân M sinh ngày 24/7/2004 và Nguyễn Chí H1 sinh ngày 22/12/2006, yêu cầu nhận nuôi con không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng. Về nợ chung không có, về tài sản chung đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do chị bận việc làm ăn nên không tham gia phiên tòa được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để anh Nguyễn Xuân H biết và trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng anh đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh H theo quy định tại các điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Kim B được ly hôn anh Nguyễn Xuân H. Về con chung: giao chị Kim B trực tiếp chăm sóc, giáo dục 02 con chung, không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Trịnh Kim B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Kim B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận; bị đơn Nguyễn Xuân H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Kim B và anh Nguyễn Xuân H chung sống từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 19/5/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân P. Do đó, hôn nhân giữa chị Kim B và anh H là hợp pháp. Chị Kim B yêu cầu ly hôn anh H do vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng, anh H không quan tâm gia đình, vợ con nên hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu và đã ly thân thời gian hơn 01 năm. HĐXX nhận xét đời sống gia đình phải xuất phát tình cảm từ giữa hai người và vợ chồng phải thật sự yêu thương quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa thương yêu nhau và bình đẳng về mọi mặt nhưng tình cảm giữa chị Kim B và anh H đã có sự rạn nứt, cuộc sống chung đã tự chấm dứt, hôn nhân không hạnh phúc nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Kim B đối với anh Nguyễn Xuân H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Kim B, anh H xác định chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân M sinh ngày 24/7/2004 và Nguyễn Chí H1 sinh ngày 22/12/2006. Chị Kim B đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và 02 con đều có nguyện vọng sống với chị Kim B nên việc giao chị Kim B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp; không đặt ra giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Kim B không yêu cầu. Anh Nguyễn Xuân H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Khi có lý do chính đáng, anh H, chị Kim B có quyền thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các bên đương sự cùng thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Kim B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Kim B đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0002066 ngày 19/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Xuân H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Kim B được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2/- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân M sinh ngày 24/7/2004 và Nguyễn Chí H1 sinh ngày 22/12/2006 cho chị Kim B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không đặt ra giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Anh Nguyễn Xuân H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con chung những người quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn trong trường hợp có căn cứ cho rằng người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/- Án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Kim B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Kim B đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0002066 ngày 19/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Giang Thị Cẩm Thúy**